CK.0000053742

Hồ Đức Thọ
(Sưu tầm - Biên soạn)

NGHI LỄ THỜ CÚNG

TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT

(TẠI NHÀ, CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ)

Danh Sơn Cổ Tích

I NGUYÊN
HỌC LIỆU
597

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NGHI LỄ
THỜ CÚNG TRUYỀN THỐNG
CỦA NGƯỜI VIỆT
TẠI NHÀ VÀ CHÙA
ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ

Tái bản lần thứ v

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ở nước ta, tập tục thờ cúng là một việc làm văn hóa đã có từ ngàn xưa tới nay. Tập tục thờ cúng biểu hiện sự mong ước một cuộc sống tốt đẹp, sự tưởng nhớ những bậc tiên liệt có công với nước, với làng, sự nhớ ơn tới đấng Tổ tiên và các bậc sinh thành v.v... Và mỗi tập tục thờ cúng đều có những nghi lễ thiêng liêng riêng.

Cuốn ***Nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt tại nhà và chùa, đình, đền, miếu phủ, danh sơn cổ tích*** *của tác giả Hồ Đức Thọ đã được tái bản nhiều lần, nhằm giới thiệu các nghi lễ thờ cúng trong sinh hoạt hàng ngày của nhân dân ta, mang tính chất khảo cứu và bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống đã có từ ngàn đời nay.*

Với mục đích đó, chúng tôi xin giới thiệu cuốn ***Nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Việt tại nhà và chùa, đình, đền, miếu phủ, danh sơn cổ tích*** *cùng bạn đọc.*

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

I. GIỚI THIỆU

Văn hóa đâu chỉ riêng có lĩnh vực văn thơ, hội họa tạo hình, nghệ thuật âm nhạc, sân khấu mà còn ở cả khía cạnh quyền sống, lối sống của cộng đồng, trong đó có lệ tục, tín ngưỡng. Việc tín ngưỡng đối với Thần thánh, hay việc thờ cúng Tổ tiên, ông bà cũng như đạo giáo đã được thực thi từ lâu đời và trở thành nếp nghĩ truyền thống của cộng đồng dân tộc Việt.

Tư duy đúng đắn cũng như việc làm nhân nghĩa đã đứng vững, mặc dù trải qua những biến đổi lịch sử, những quan niệm lệch lạc một thời và đặc biệt là nạn ngoại xâm, kẻ thù muốn phá đi, xóa đi cái gì là đạo lý, là cội nguồn của dân tộc. Và nó đã tồn tại, tồn tại để phát triển trở thành những di sản văn hóa vô hình (intangile). Cái vô hình đã gắn bó mật thiết với di sản văn hóa hữu thể làm cho đất nước, quê hương thêm đẹp, thêm bình dị và nghiễm nhiên từ thành thị đến làng quê nó đã ngự trị trong đời sống tâm linh cộng đồng.

Nói đến đời sống tâm linh, tất không thể tách rời việc thờ cúng tại gia cũng như ở đền, chùa, đình, miếu, phủ. Lại cũng không phó mặc để trôi nổi một cách tự nhiên, mặc cho khuynh hướng dị đoan phát triển làm ảnh hưởng xấu đến đời sống tinh thần của nhân dân, hoặc hiểu sai việc tín ngưỡng, cấm đoán làm mất đi quyền làm chủ của nhân dân. Thấy sự quan trọng của văn hóa, cương lĩnh của Đảng cộng sản Việt Nam (được thông qua tại đại hội VII) đã đánh giá: Văn hóa là động lực, là nền tảng, mục tiêu phát triển của xã hội ta, đặt kinh tế, xã hội trong mối quan hệ hữu cơ, biện chứng.

Bàn về vấn đề này, các nhà văn hóa Việt Nam cùng tổ chức Văn hóa - giáo dục của thế giới Unesco từ ba thập kỷ qua đã suy ngẫm và đề cập về nội dung tư tưởng cho việc tiến bộ xã hội giữa thời kỳ hiện đại hóa. Phát triển trên cơ sở giữ gìn bản sắc dân tộc, không phát triển bằng văn hóa nhập nghĩa là tha hóa về văn hóa. Cụ thể hơn là chiến lược văn hóa phải chú ý đến cội nguồn văn hóa, tín ngưỡng và phong tục.

Song để giữ gìn và phát huy được nền văn minh Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, thời kỳ hiện đại đâu phải dễ! Phải đương đầu với lối sống lạ lẫm bên ngoài ập tới, phải vượt qua những thách thức nội sinh, những quan điểm lệch lạc, bảo thủ, những vấn đề xã hội giữa thành thị - nông thôn, giữa sự đói nghèo và giàu có, giữa người lao động với lớp người tư sản, tư bản, trí thức...

Trong lĩnh vực tôn giáo tín ngưỡng thì người xưa cũng như các thế hệ hiện tại đã quan niệm là một đạo lý, nói cách khác là có nhân sinh quan đúng mực giữa đất, trời và con người, tức là "thiên - địa - nhân". Do vậy mà từ lâu đời có hiện tượng thờ Thiên thần (Nhiên thần), thờ Thổ địa - thần linh cai quản vùng đất ấy, thờ Nhân thần là những bậc anh hùng cứu quốc, những Tổ sư của các nghề, Tổ khai khẩn mở mang điền địa, làng xã và từ lâu đời ở Việt Nam đã xuất hiện việc thờ cúng cha mẹ, ông bà, nói cách khác là Gia tiên, rồi Gia thần là những vị thần cai quản vùng đất ấy, đặc biệt là "Táo Quân" (còn gọi Thổ công).

Việc thờ Thần ở các công trình tín ngưỡng cũng như Gia thần, Gia tiên tại nhà, hoặc việc lập chùa thờ Phật, lập phủ, lập điện thờ Mẫu có những mục đích thuộc phạm trù đạo đức, uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa. Nhưng cũng còn mục đích cầu Phật, cầu Thánh thần, Gia thần, Gia tiên che chở cho những lúc thất cơ lỡ vận, ốm đau... Cầu để mong có sự âm phù cho mưa thuận gió hòa, thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, ngư dân ra khơi vào lộng

đánh bắt cá được bình an, thuyền bè đi lại trên sông biển thuận buồm xuôi gió. Các triều đại phong kiến Việt Nam không ít trường hợp dựa vào uy Thần, phép Phật để trị quốc an dân, không ít trường hợp cầu Thần, Thánh âm phù để việc chuyển quân đánh giặc được thuận lợi, thành công, không ít trường hợp dựa vào Trời mà lập mẹo để mưu cầu một đại sự cho nước nhà

Tất cả, tất cả những sự việc, hiện tượng kể trên đều liên quan đến việc thờ cúng. Do vậy việc thờ cúng ngoài ý nghĩa giáo lý, cầu thiện, làm điều phúc đức để bảo tồn kỷ cương, trật tự gia đình cũng như xã hội còn có ý nghĩa cầu cúng để đạt được mục đích (cầu được ước thấy) cao nhất về quốc kế dân sinh. Nói khác đi là cầu cúng để mong đạt được "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa" nguyên nhân đưa đến mọi thắng lợi cho quốc gia, cũng như làng xã, gia đình, dòng họ.

Thử nhìn lại từ trước Công nguyên, Thục An Dương Vương lập quốc, xây dựng Loa Thành đã dựa vào yếu tố Thần linh để củng cố đế nghiệp. Thần Kim Quy âm phù hộ cho vua việc xây thành, lại ban cho lẫy nỏ làm vật thiêng giữ nước, nhưng khi lơi là việc nước, ngạo mạn, chủ quan thì thảm bại ập đến, phải trầm mình ở Nam Hải.

Thế kỷ đầu sau Công nguyên, Trưng Nữ Vương khởi nghĩa đánh nhà Hán xâm lược, cũng làm lễ tế trời đất trước khi cất đại binh giải phóng 65 thành, tên Thái thú gian ác Tô Định phải tháo chạy về nước.

Thế kỷ VI, Tiền Lý Nam Đế rồi Triệu Quang Phục cũng dựa vào yếu tố thần linh, nhờ Chử Đồng Tử, Tiên ông ban cho móng rồng mà dẹp yên giặc nhà Lương giành độc lập cho dân tộc.

Thế kỷ X, Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 xứ quân cũng dựa vào yếu tố thuận ý trời, nhờ rồng vàng cõng qua sông Hoàng Long khi nguy cấp mà sau lập nên quốc gia Đại Cồ Việt. Lê Hoàn giữ được ngôi báu cũng có chuyện mẹ ông nằm mơ thấy trong bụng nở hoa sen và khi ông làm con

nuôi viên quan sát họ Lê ở Thanh Hóa, đêm nằm thường có rồng vàng ấp, hào quang tỏa sáng.

Lý Công Uẩn người Châu Cổ Pháp - Bắc Giang, mẹ ông đi chơi chùa Tiên Sơn, gặp người thần giao hợp mà sinh ra ông vào năm "Tuất", ứng với điềm có con vật trong vùng đẻ con sắc trắng, các đốm đen thành chữ "Thiên tử". Lớn lên Lý Công Uẩn được Lý Khánh Văn và sư Vạn Hạnh nuôi dạy thành tài. Năm 1010 ông lên ngôi vua, rời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Lý Thái Tổ quan tâm việc lập chùa thờ Phật, lại chú trọng việc tế lễ Trời Đất, Thánh thần. Có lần vua đi ngắm cảnh núi sông, đến bến đò Cổ Sở, thấy khí tốt nơi đây bèn rót rượu xuống đất khấn: "Trẫm xem vùng đất này núi lạ sông đẹp, nếu có nhân kiệt địa linh xin nhận lấy lễ này". Đêm đến vua mơ thấy Thần núi, Thần sông báo mộng... Vua bèn sai lập đền, đắp tượng tế trời cúng tế. Nhưng các vua Lý quá thiên vào đạo Phật, xây dựng hàng ngàn chùa tháp làm tổn hại quốc khố, tổn hại sức dân khiến cuối đời suy vong, ngôi báu về tay họ Trần.

Thời Trần, Phật giáo cũng thịnh hành, lại trọng cả đạo trời; sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép việc dưới triều vua Trần Anh Tôn cho lập đền thờ ở cửa biển Cần Hải (tức cửa Cờn, đền Cờn xã Quỳnh Phương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). Bởi khi vua đem quân đi đánh giặc Chiêm Thành, đóng quân tại đây, đêm chiêm bao thấy có Thần nữ khóc và nói: "Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp sóng gió chết đuối trôi dạt đến đây, Thượng đế phong cho làm Thần biển ở đây đã lâu, nay bệ hạ đem quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công". Khi thức dậy, vua hỏi sự tình rồi vào đền Cờn tế lễ, bỗng biển lặng, quan quân tiến đến Chà Bàn bắt được vua Chiêm một cách dễ dàng.

Các sách địa chí còn ghi việc vua Trần phong cho nữ Thần ở đền Cờn là: "Đại Càn quốc gia Nam Hải Thánh Mẫu thượng đẳng thần".

Sử cũ và ngọc phả còn ghi việc Bình Định Vương Lê Lợi

tổ chức kháng chiến chống giặc Minh (1418 - 1428) đã cho tướng về đền Cờn làm lễ, mong sự âm phù của Tứ Vị Thánh nương.

Năm Hồng Đức I (1470), Lê Thánh Tông đi bình Chiêm, khi qua quân cảng Cần Hải cũng sửa lễ vào đền mật đảo. Khi chiến thắng, đoàn quân về qua đền Cờn không vào lễ tạ, đoàn thuyền đến Biện Sơn (cách đền Cờn chừng 10 dặm) bỗng gió đông nổi lên thổi bạt đoàn thuyền trở lại. Vua Lê cho là điềm lạ, sửa lễ vào đền tạ ơn thì sóng gió lại bình yên...

Sau sự việc này vua Lê tiếp tục phong sắc và ban cấp vàng bạc sửa sang đền thờ, ban lệnh quốc tế và định lệ làng, miễn trừ sưu thuế cho dân xã để lo phụng sự nhang khói.

Thời Nguyễn cũng rất chú trọng yếu tố tâm linh, mỗi khi có sự biến cố, hạn hán mất mùa đều lo sửa lễ cầu trời tại đàn Nam Giao cũng như các linh từ trong nước...

Đơn cử đôi điều chứng minh các triều đại phong kiến Việt Nam coi trọng đạo giáo và tín ngưỡng. Còn trong dân gian thì xin hỏi có làng xã nào vắng bóng chùa, đình, đền, miếu, phủ. Việc tín ngưỡng đối với Thánh thần, Tiên, Phật và cả đức Chúa đạo Ki Tô trong quảng đại nhân dân, đã trở thành một nhu cầu trong cuộc sống. Tất nhiên việc tín ngưỡng hay không tín ngưỡng là do sự lựa chọn của từng người, từng nhà không có sự ép buộc. Nhưng tôn giáo nào cũng kêu gọi một tình cảm thiêng liêng của con người đối với đấng tối cao siêu nhiên. Thứ tình cảm đó được chuyển thành tâm lý trong cuộc sống trần tục, mà dân gian tin là sẽ bù đắp được những thiếu hụt trong cuộc sống hiện tại, hy vọng những gì tốt đẹp sẽ đến ở tương lai.

Tín ngưỡng tức là niềm tin của ai đó hướng về Thánh thần, Tiên, Phật cũng như Chúa. Tín ngưỡng hay thờ cúng tại gia cũng vừa là trách nhiệm của hậu duệ vừa gửi gắm niềm tin vào Gia tiên, Gia thần che chở độ trì cho